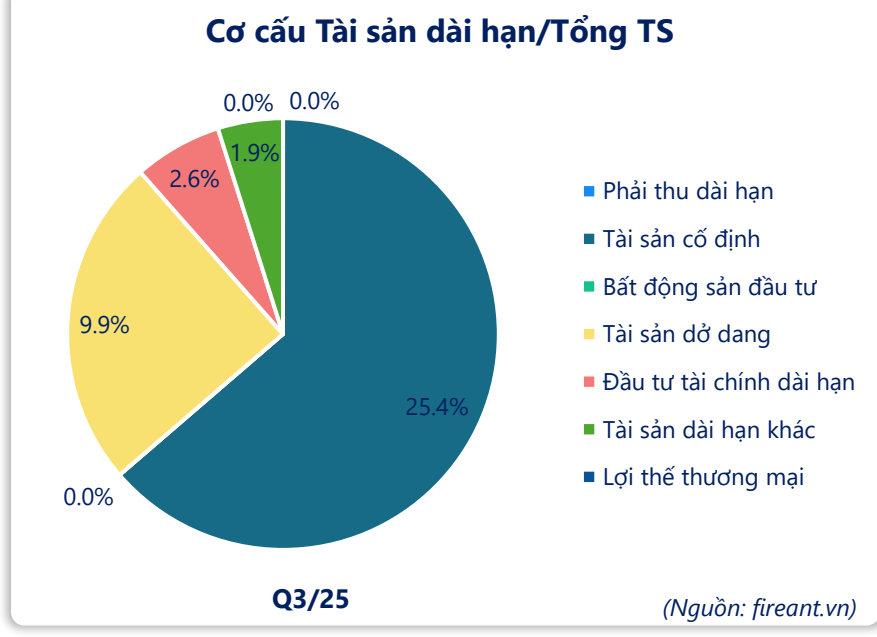
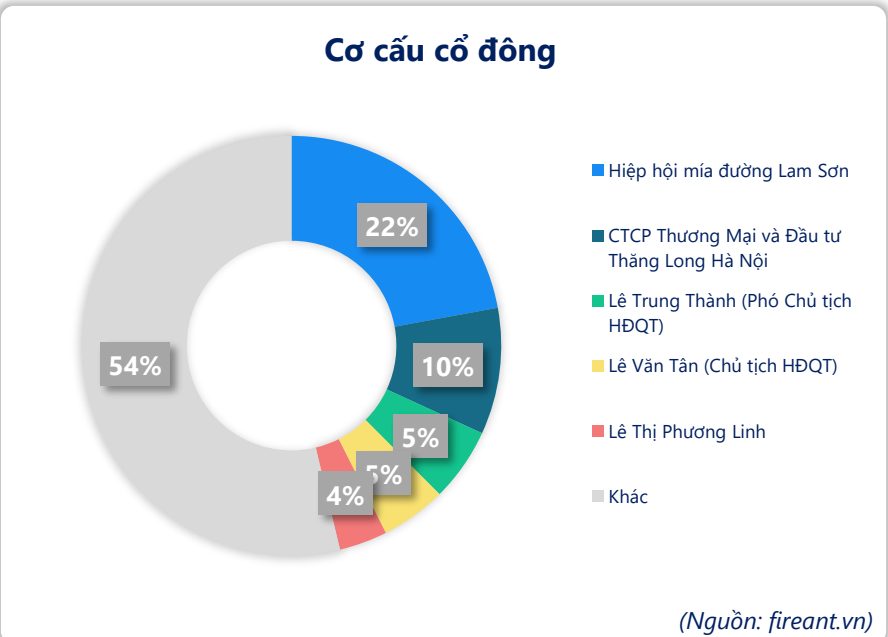
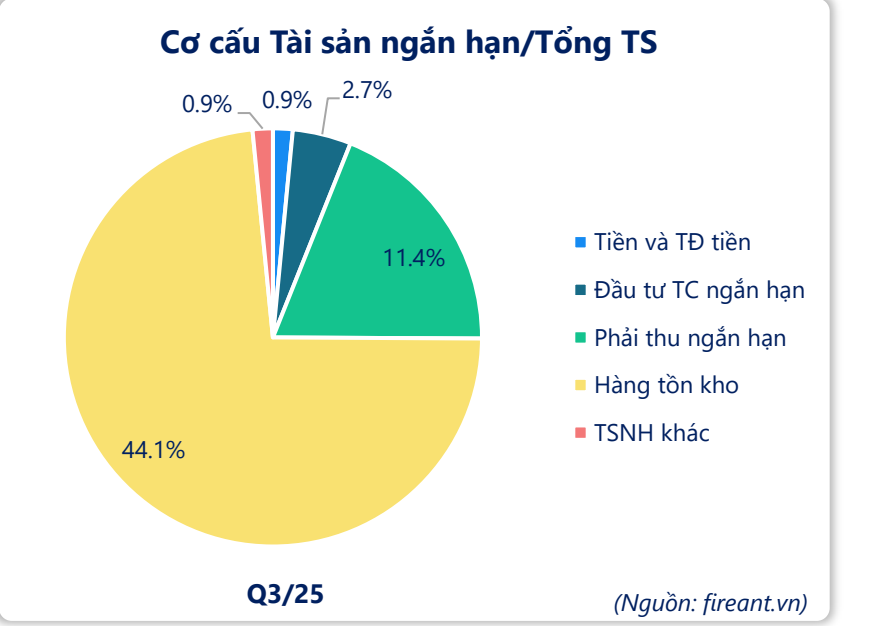
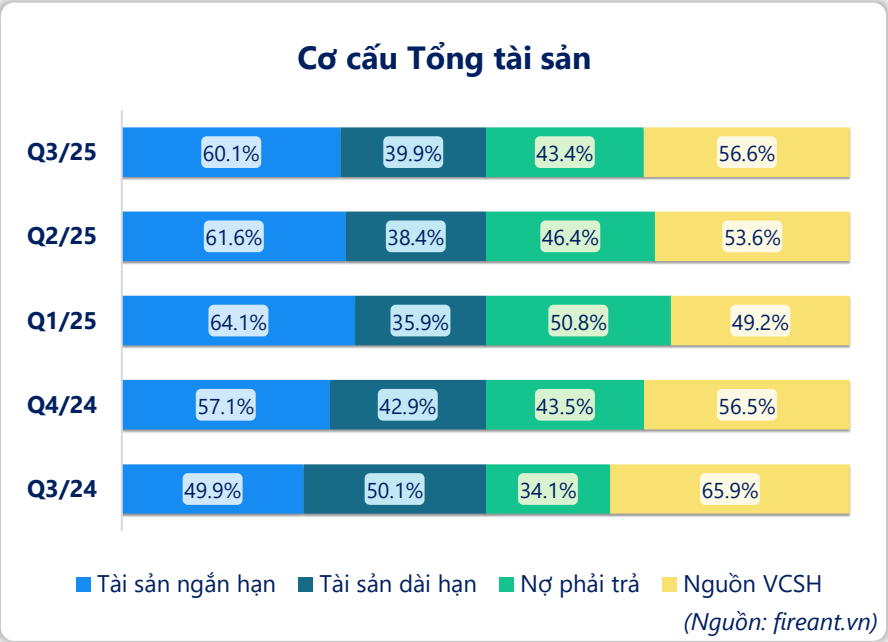
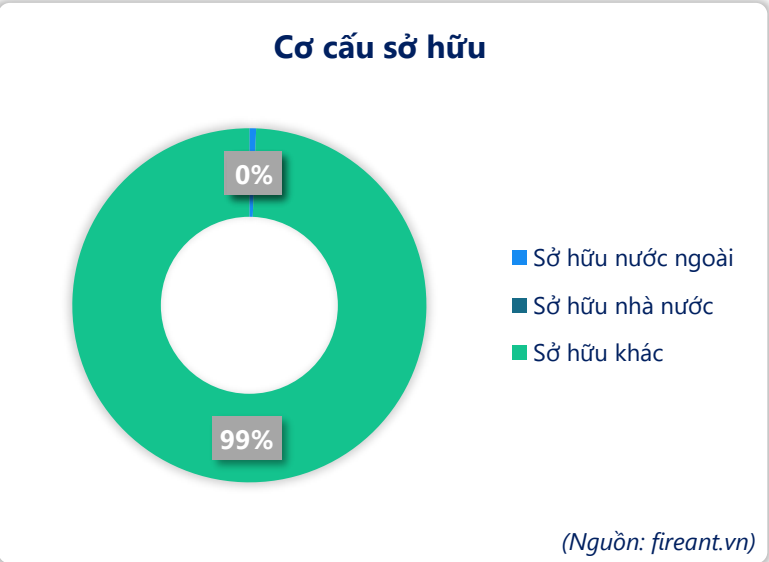
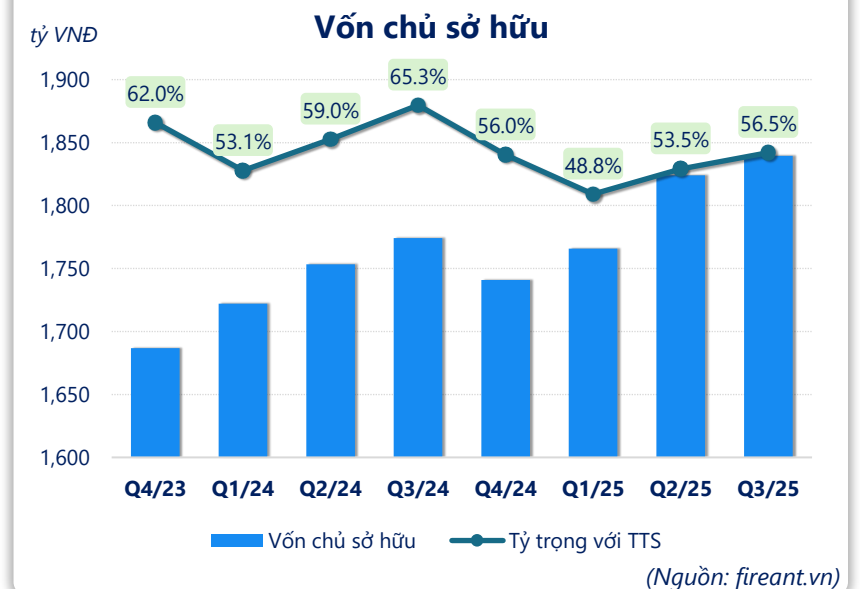
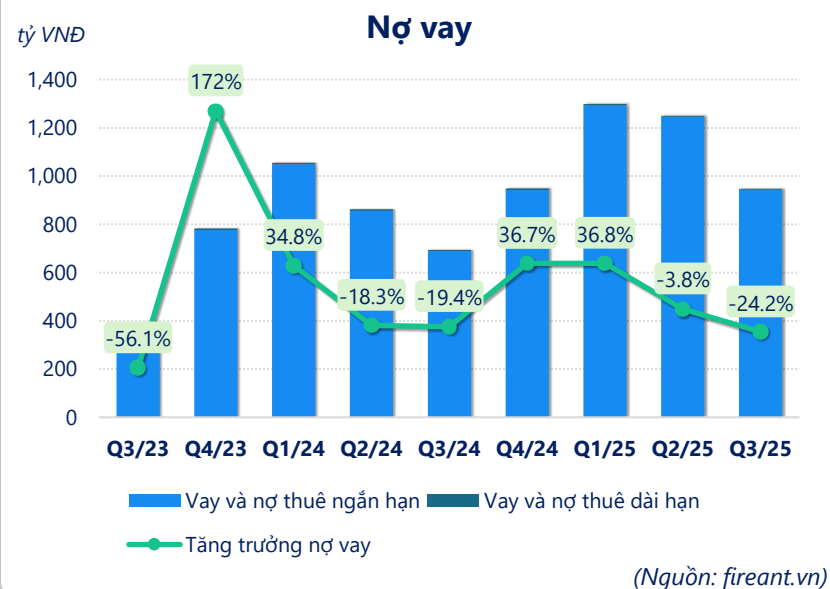
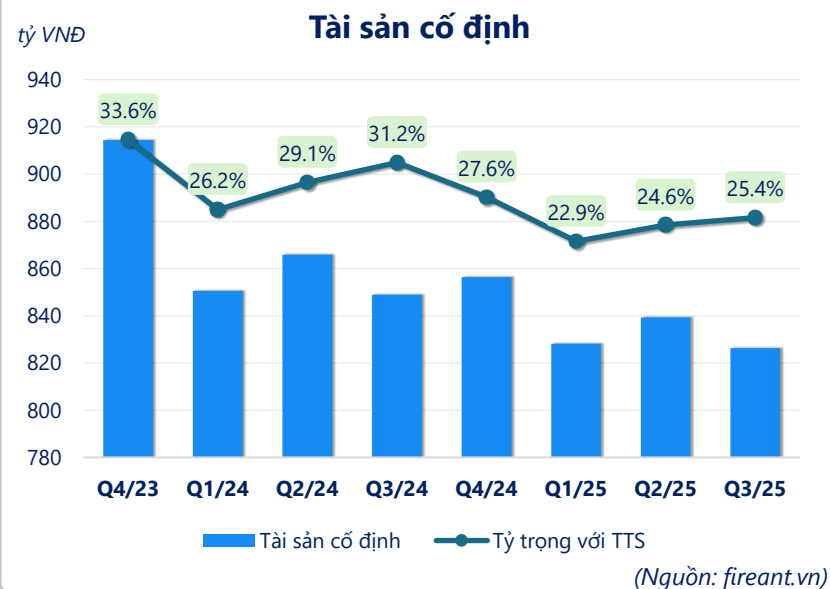
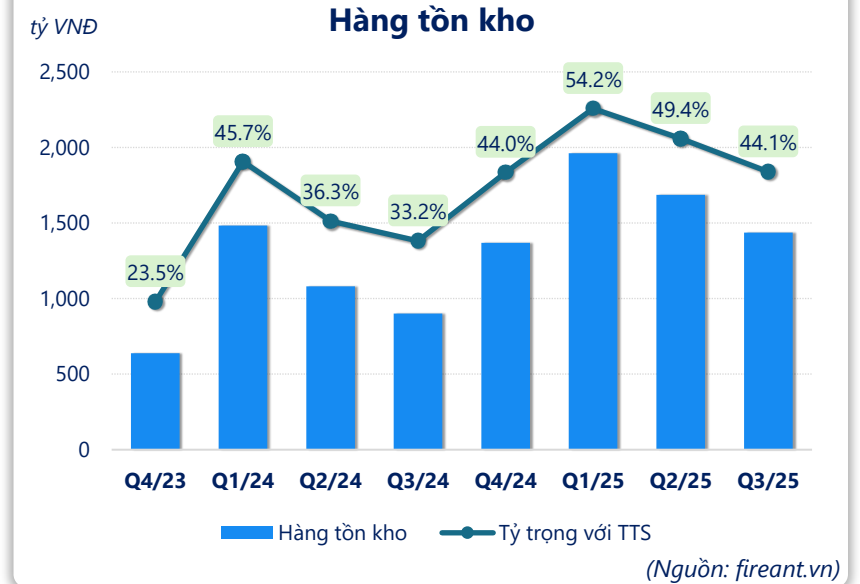
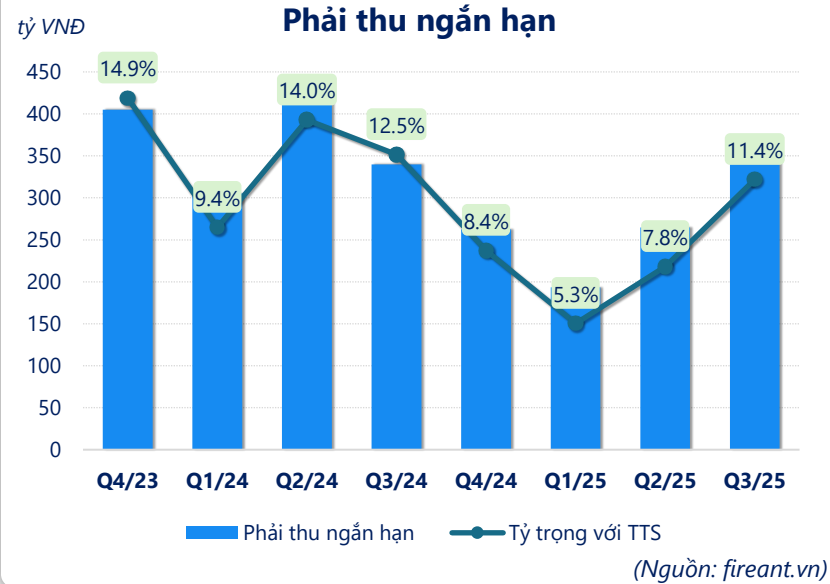
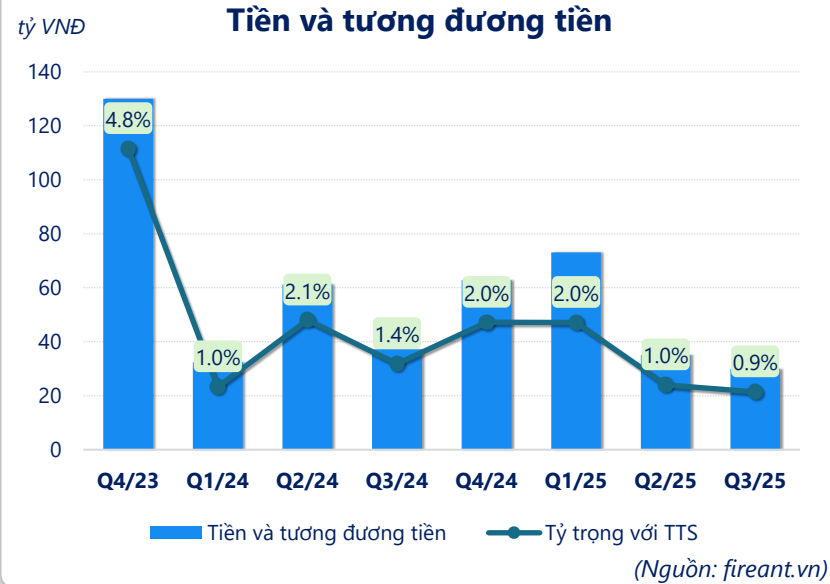
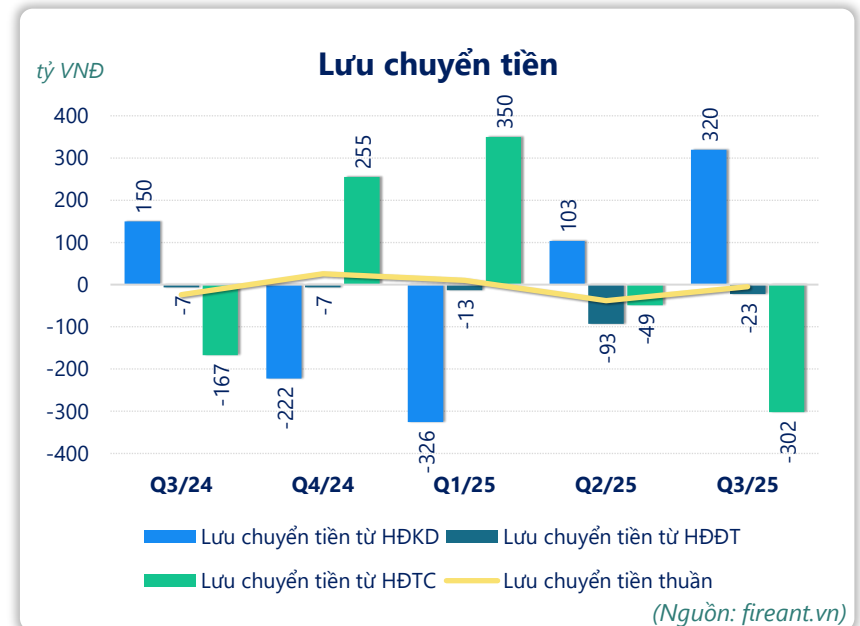
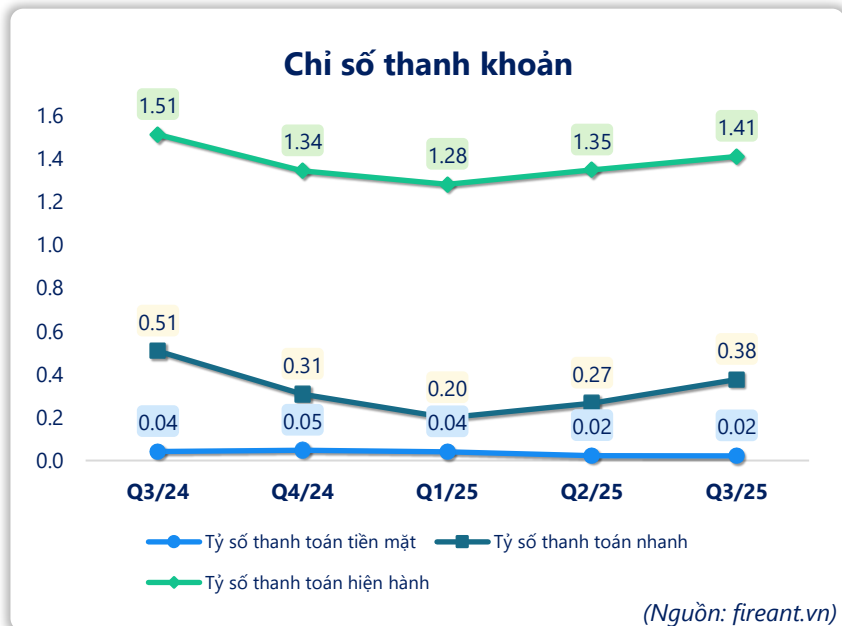
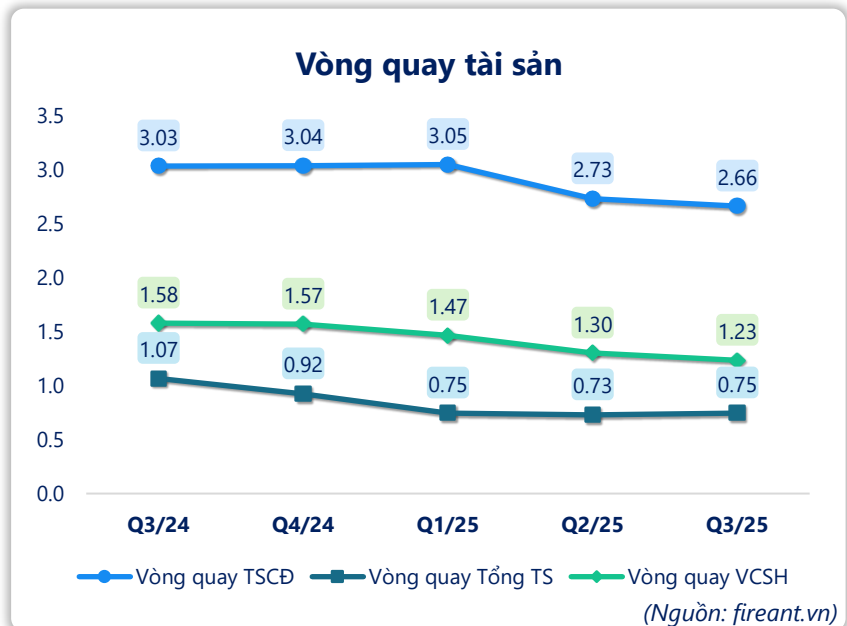
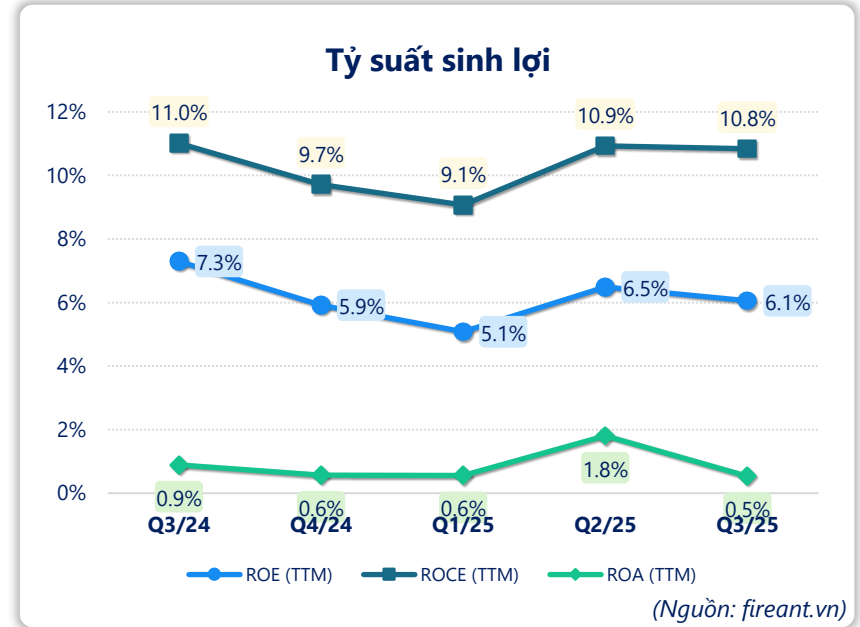
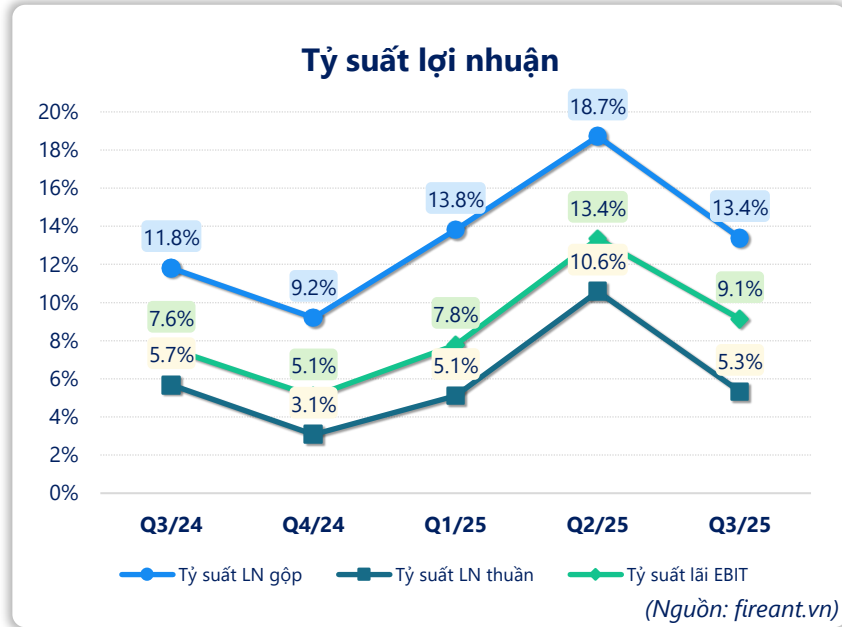
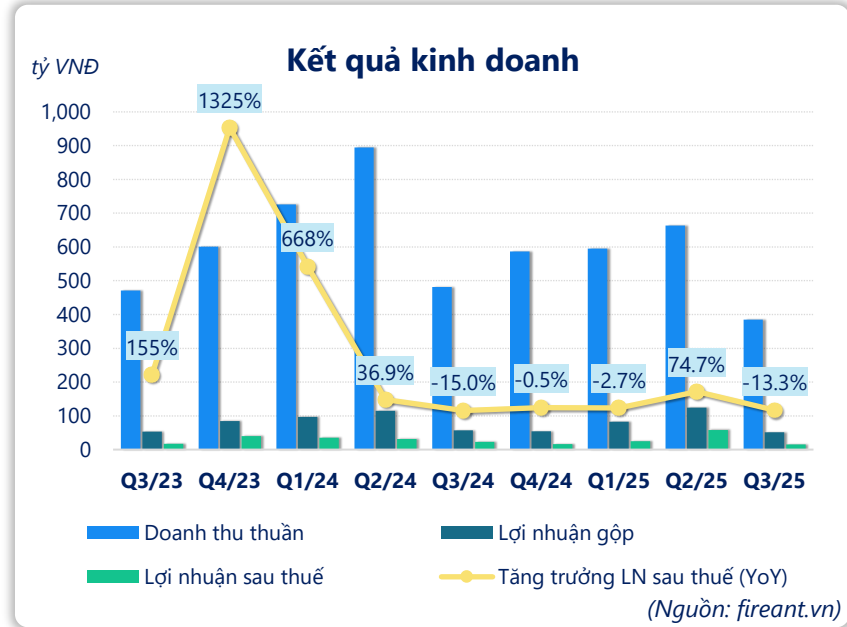


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,470
SL cổ phiếu LH		85,741,623
KLGD BQ 20 phiên (CP)		251,990
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		857
P/E		7.8
EPS		1,276

	YTD	1T	3T	6T
LSS	-7.6%	0.0%	8.0%	-6.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,256	3,106	4.8%
Tài sản ngắn hạn	1,958	1,758	11.4%
Tiền và tương đương tiền	29.9	62.8	-52.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.7	40.5	119%
Phải thu ngắn hạn	372	245	52.0%
Hàng tồn kho	1,436	1,368	5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	30.6	42.1	-27.2%
Tài sản dài hạn	1,298	1,348	-3.7%
Phải thu dài hạn	0.10	32.9	-99.7%
Tài sản cố định	826	856	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	322	346	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	85.8	55.8	53.7%
Tài sản dài hạn khác	63.3	56.5	12.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,413	1,350	4.6%
Nợ ngắn hạn	1,387	1,320	5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	944	943	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.3	103	-42.4%
Nợ dài hạn	26.0	30.3	-14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.74	6.34	-41.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,843	1,756	4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,839	1,741	5.6%
Vốn điều lệ	857	801	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	3.41	15.1	-77.4%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	482	587	595	664	384
Giá vốn hàng bán	425	533	513	540	333
Lợi nhuận gộp	56.9	54.0	82.2	124	51.5
Doanh thu HĐTC	3.47	5.23	3.98	1.90	4.65
Chi phí TC	12.7	13.3	16.9	19.0	16.5
Chi phí lãi vay	9.48	11.0	16.4	18.9	16.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.3	17.7	24.9	16.1	9.47
Chi phí QLDN	10.1	10.2	14.0	20.7	9.70
LN thuần từ HĐKD	27.3	18.1	30.4	70.2	20.5
Lợi nhuận khác	-0.28	0.82	-0.43	-0.50	-1.47
LN trước thuế	27.0	18.9	30.0	69.7	19.0
Lợi nhuận sau thuế	22.9	16.0	24.8	58.3	15.4
LNST của CĐ cty mẹ	22.7	16.7	19.1	57.7	16.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	150	-222	-326	103	320
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.58	-6.84	-13.3	-92.7	-22.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-167	255	350	-48.8	-302
Tiền đầu kỳ	61.2	37.1	62.8	73.1	35.1
Lưu chuyển tiền thuần	-24.1	25.7	10.3	-38.0	-5.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	-0.02	0	0
Tiền cuối kỳ	37.1	62.8	73.1	35.1	29.9

(Nguồn: fireant.vn)